

Bản án số: 323/2024/DS-ST  
Ngày 27-9-2024  
V/v tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Võ Ngọc Công.

***Các Hội thẩm nhân dân:***

- Ông Tô Văn Nhung.
- Bà Phạm Tú Nhi.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Việt Hà, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thúy An, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 220/2024/TLST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 402/2024/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 363/2024/QĐST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 386/2024/QĐST-DS ngày 17 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Trần Thị H, sinh năm 1957; thường trú: Số C khu phố Đ, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- ***Bị đơn:*** Bà Nguyễn Thị Kim H1, sinh năm 1968; thường trú: Số A đường T, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

***Người đại diện hợp pháp của bị đơn:*** Bà Nguyễn Thanh H2, sinh năm 1985 và ông Nguyễn Thế T, sinh năm 1983; cùng địa chỉ: Số G P, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 18/6/2024); vắng mặt.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Ông Lê Văn L, sinh năm 1968; thường trú: Số A đường T, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 25/3/2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày: Bà Trần Thị H và bà Nguyễn Thị Kim H1 có quan hệ quen biết nhau, từ năm 2022 đến năm 2023, bà H cho bà H1 nhiều lần vay tiền, cụ thể như sau:

+ Ngày 29/6/2022, bà H cho bà H1 vay số tiền 1.000.000.000 đồng, không tính lãi suất, thời hạn giải ngân từ thời điểm giải ngân đến tết âm lịch năm 2024, mục đích vay để bà H1 giải quyết công việc cá nhân, bà H1 có lập biên nhận và ký tên xác nhận.

+ Ngày 21/9/2022, bà H cho bà H1 vay số tiền 200.000.000 đồng, không tính lãi suất, thời hạn giải ngân từ thời điểm giải ngân đến tết âm lịch năm 2024, mục đích vay để bà H1 giải quyết công việc cá nhân, bà H1 có lập biên nhận và ký tên xác nhận.

+ Ngày 29/9/2022, bà H cho bà H1 vay số tiền 400.000.000 đồng, không tính lãi suất, thời hạn giải ngân từ thời điểm giải ngân đến tết âm lịch năm 2024, mục đích vay để bà H1 giải quyết công việc cá nhân, bà H1 có lập biên nhận và ký tên xác nhận.

+ Ngày 15/3/2023, bà H cho bà H1 vay số tiền 1.000.000.000 đồng, không tính lãi suất, thời hạn giải ngân từ thời điểm giải ngân đến tết âm lịch năm 2024, mục đích vay để bà H1 giải quyết công việc cá nhân, bà H1 có lập biên nhận và ký tên xác nhận.

+ Ngày 29/3/2023, bà H cho bà H1 vay số tiền 1.000.000.000 đồng, không tính lãi suất, thời hạn giải ngân từ thời điểm giải ngân đến tết âm lịch năm 2024, mục đích vay để bà H1 giải quyết công việc cá nhân, bà H1 có lập biên nhận và ký tên xác nhận.

+ Ngày 12/7/2023, bà H cho bà H1 vay số tiền 500.000.000 đồng, không tính lãi suất, thời hạn giải ngân từ thời điểm giải ngân đến tết âm lịch năm 2024, mục đích vay để bà H1 giải quyết công việc cá nhân, bà H1 có lập biên nhận và ký tên xác nhận.

+ Ngày 19/7/2023, bà H cho bà H1 vay số tiền 500.000.000 đồng, không tính lãi suất, thời hạn giải ngân từ thời điểm giải ngân đến tết âm lịch năm 2024, mục đích vay để bà H1 giải quyết công việc cá nhân, bà H1 có lập biên nhận và ký tên xác nhận.

+ Ngày 20/7/2023, bà H cho bà H1 vay số tiền 200.000.000 đồng, không tính lãi suất, thời hạn giải ngân từ thời điểm giải ngân đến tết âm lịch năm 2024, mục đích vay để bà H1 giải quyết công việc cá nhân, bà H1 có lập biên nhận và ký tên xác nhận.

Tổng cộng số tiền bà Trần Thị H cho bà Nguyễn Thị Kim H1 vay là 4.800.000.000 đồng, trong quá trình thực hiện hợp đồng bà H1 đã trả cho bà H được 700.000.000 đồng.

Sau nhiều lần bà H gặp bà H1 yêu cầu thanh toán tiền nhưng bà H1 không thực hiện đúng như thỏa thuận. Vì vậy, bà Trần Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Kim H1 thanh toán cho bà H số tiền đã vay 4.100.000.000

đồng và tiền lãi là 4.100.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 06 tháng = 204.180.000 đồng. Tổng cộng: 4.304.180.000 đồng.

- *Tại bản tự khai ngày 05/8/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thanh H2 trình bày:* Bị đơn Nguyễn Thị Kim H1 thống nhất với toàn bộ nội dung khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H. Trước khi khởi kiện đến nay, bà H đã nhiều lần yêu cầu bà H1 trả lại số tiền đã vay 4.100.000.000 đồng nhưng do kinh tế khó khăn nên bà H1 chưa trả được. Bà H1 xác định còn nợ bà H tổng cộng số tiền đã vay 4.100.000.000 đồng. Nay, bà Trần Thị H yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim H1 trả lại số tiền 4.100.000.000 đồng thì bà H1 đồng ý, còn tiền lãi bà H1 xin bà H không tính. Bà H1 xác định bà H1 vay tiền của bà H là để tiêu xài cá nhân, không sử dụng số tiền này vào mục đích chung của gia đình hoặc phát triển khối tài sản chung của gia đình, đây là khoản nợ riêng của cá nhân bà H1, không liên quan đến ông Lê Văn L (chồng bà H1).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn L trình bày:* Ông L xác định vợ ông (bà Nguyễn Thị Kim H1) vay tiền của bà H thì ông không biết, ông không liên quan đến khoản vay này, bà H1 không dùng số tiền vay này để phục vụ nhu cầu chung của gia đình.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn thì đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn cư trú tại số A đường T, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự:

Người đại diện hợp pháp cho bị đơn bà Nguyễn Thanh H2, ông Nguyễn Thế T đã được tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 04/9/2024, 17/9/2024 và 27/9/2024 nhưng vắng mặt không có lý do; người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt người đại diện hợp pháp của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[1.3] Về xác định tư cách tham gia tố tụng: Quá trình tố tụng, ông Dương N là chồng bà Trần Thị H, ông N xác nhận số tiền 4.100.000.000 đồng mà bà H cho bà Nguyễn Thị Kim H1 vay là tiền riêng của bà H, không liên quan đến bản thân ông và gia đình. Do đó, Tòa án không đưa ông Dương N tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan hay người làm chứng trong vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét 08 giấy giấy tiền vào các ngày 29/6/2022, 21/9/2022, 29/9/2022, 15/3/2023, 29/3/2023, 12/7/2023, 19/7/2023 và ngày 20/7/2023 giữa bà Trần Thị H và bà Nguyễn Thị Kim H1 là thể hiện ý chí tự nguyện của các đương sự. Theo thỏa thuận của các giấy vay tiền, bà H cho bà H1 vay tổng số tiền 4.800.000.000.000 đồng, giấy vay tiền không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nợ, bà H1 đã trả cho bà H được số tiền 700.000.000 đồng. Trong quá trình tố tụng, bà Nguyễn Thị Kim H1 thừa nhận và đồng ý trả lại cho bà H tổng số tiền vay còn nợ 4.100.000.000 đồng nên đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2.2] Đối với yêu cầu tính tiền lãi: Xét các giấy vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp đồng vay tiền không thời hạn và không lãi suất.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự “*Đối với hợp đồng vay không thời hạn và không lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”.

Ngày 12/3/2024, nguyên đơn bà Trần Thị H có thông báo cho bà Nguyễn Thị Kim H1 về việc yêu cầu trả nợ vay và lãi với nội dung chậm nhất đến ngày 19/3/2024 thì bà Nguyễn Thị Kim H1 phải trả toàn bộ số tiền vay và lãi cho bà H, bà H1 đã nhận được thông báo này của bà H, từ thời điểm nhận thông báo trả nợ cho đến ngày xét xử sơ thẩm (27/9/2024) hơn 06 tháng, tuy nhiên tại phiên tòa nguyên đơn bà H chỉ yêu cầu tính tiền lãi với thời gian 06 tháng là có lợi cho bị đơn. Vì vậy, có cơ sở buộc bị đơn bà H1 phải trả lại cho nguyên đơn bà H lãi suất chậm trả kể từ ngày 20/3/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (27/9/2024) với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự với số tiền 4.100.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 06 tháng = 204.180.000 đồng.

Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu tính lãi.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H1 phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 92, 144, 147, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 357, 429, 463, 465, 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H1 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

- Buộc bà Nguyễn Thị Kim H1 có nghĩa vụ thanh toán bà Trần Thị H tổng số tiền 4.304.180.000 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 4.100.000.000 đồng và tiền lãi 204.180.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim H1 phải chịu 112.304.180 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

